

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản

Kính gửi: Các Đơn vị tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ tư pháp;

Căn cứ quy định của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc đưa tài sản bán đấu giá;

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức (Vietcombank Thủ Đức) thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

- Bên có tài sản bán đấu giá: Vietcombank Thủ Đức.
- Địa chỉ: Số 50A đường Đặng Văn Bi, khu phố 31, phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Thông báo về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản

- 1. Tên tài sản:** 34 Thiết bị tin học (theo danh sách đính kèm)
- 2. Nơi có tài sản:** Vietcombank Thủ Đức (địa chỉ: Số 50A đường Đặng Văn Bi, khu phố 31, phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh).
- 3. Chất lượng:** Theo hiện trạng tài sản thực tế.
- 4. Giá khởi điểm:** 8.890.000 đồng (*Bằng chữ: Tám triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng*).

(Giá trên đã bao gồm thuế GTGT. Các loại thuế khác, phí, lệ phí, chi phí phải đóng đối với tài sản bán đấu giá theo quy định pháp luật khi sang tên chuyển nhượng và chi phí vận chuyển di dời tài sản (nếu có) do khách hàng trúng đấu giá chịu và thực hiện).

5. Tiêu chí lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản:

Đơn vị tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Phụ lục I – Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 và các tiêu chí khác Vietcombank quy định, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí bắt buộc
1	Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá
2	Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả
3	Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản
4	Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp
5	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố
6	Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định

6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ và thông tin liên hệ:

- Thời gian: Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thông báo.

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ đấu giá: Vietcombank Thủ Đức, địa chỉ: Số 50A đường Đặng Văn Bi, khu phố 31, phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Lưu ý: Người nộp Hồ sơ phải có giấy giới thiệu của đơn vị tổ chức đấu giá tài sản và mang theo chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước. Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được Vietcombank Thủ Đức lựa chọn.

Thông tin liên hệ:

- Mr: Trần Công Diện, Nhân viên phòng Hành chính Nhân sự
- Tel: 028.38966806, máy lẻ: 4299; Mobile: 0903.697.499

Vietcombank Thủ Đức mong nhận được sự hợp tác của các Tổ chức Đấu giá chuyên nghiệp.

Trân trọng!



Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu Văn thư.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)



Trần Long Giang

PHỤ LỤC I

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0

1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1,1.2,1.3,1.4 hoặc 1.5	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)	4,0

	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

12437
 HÂN
 GOAITHU
 ỆT NAM
 I NHÂN
 CHỦ ĐỨC
 HỒ HỒ C

DANH SÁCH TÀI SẢN THANH LÝ

STT	Mã barcode	Mã tài sản	Tên tài sản	Serial
1	0380150303008.0000000025	0380.150327000023.0000	NCR PERSONAS 77 ATM - INDOOR TTW MODEL	S37936366
2	0380150303008.0000000041	0380.150327000030.0000	NCR PERSONAS 77 ATM - INDOOR TTW MODEL	S42885770
3	0380154103003.00000000162	0380.154113000009.0000	HP LaserJet Pro MFP M521dw	SCNB7K3RDJZ
4	0380150303002.00000000150	0380.150319000007.0000	LAPTOP Dell Latitude E6220	S3SJRG1
5	0381150303002.00000000159	0380.150319000050.0000	LAPTOP DELL LATITUDE E7240	SDLD5H12
6	0380150303002.00000000162	0380.150319000017.0000	LAPTOP HP ELITEBOOK 820 G3 NOTEBOOK	S5CG7113DY1
7	0380.150319000029.0000	0380.150319000029.0000	Laptop HP EliteBook 820 G4 NOTEBOOK	S5CG8160XJ8
8	0384.150319000001.0000	0380.150319000051.0000	Laptop HP EliteBook 820 G4 NOTEBOOK	S5CG8160XK1
9	0380150303002.00000000169	0380.150319000024.0000	Laptop HP EliteBook 820 G4 NOTEBOOK	S5CG8265BHV
10	0380150303002.00000000172	0380.150319000022.0000	Laptop HP EliteBook 820 G4 NOTEBOOK	S5CG8265DVF
11	0384154103003.00000000133	0380.154112000082.0000	MÁY IN KIM EPSON LQ 2190	SMK3Y052394
12	0380150303003.00000000098	0380.150321000002.0000	MÁY IN LINE PRINTRONIX P7210	S7RC6M1234054
13	0380154103003.00000000065	0380.154112000002.0000	MÁY IN OLIVETTI PASSBOOK PR2 PLUS	S1196779
14	0384154103003.00000000073	0380.154112000081.0000	MÁY IN OLIVETTI PASSBOOK PR2 PLUS	S1270675
15	0380154103003.00000000117	0380.154112000021.0000	MÁY IN OLIVETTI PASSBOOK PR2 PLUS	S1547923
16	0380154103003.00000000152	0380.154112000035.0000	MÁY IN OLIVETTI PASSBOOK PR2 PLUS	S8010429
17	0380154103003.00000000158	0380.154112000037.0000	MÁY IN OLIVETTI PASSBOOK PR2 PLUS	S8012320
18	0380154103003.00000000180	0380.154112000039.0000	MÁY IN OLIVETTI PASSBOOK PR2 PLUS	S8057550
19	0380154103002.00000000194	0380.154109000337.0000	PC DELL OPTIPLEX 9020 SFF	S9WYV622
20	0380154103002.00000000195	0380.154109000324.0000	PC DELL OPTIPLEX 9020 SFF	SB0ZV622
21	0380154103002.00000000160	0380.154109000028.0000	PC DELL Optiplex 990	S3P8XD2S
22	0380154103002.00000000176	0380.154109000311.0000	PC HP COMPAQ PRO 6300 SFF	SSGH331R1BN
23	0380154103002.00000000221	0380.154109000069.0000	PC HP Prodesk 600 G2 SFF	SSGH710SM4X
24	0383154103002.00000000222	0380.154109000193.0000	PC HP Prodesk 600 G2 SFF	SSGH710SM4Y
25	0382154103002.00000000235	0380.154109000310.0000	PC HP Prodesk 600 G2 SFF	SSGH710SRSM
26	0380150303001.00000000011	0380.150316000000.0000	SERVER HP PROLIANT DL580 G5	SSGH835YDPS

27	0380154103998.00000000054	0380.154121000017.0000	SWITCH CISCO CATALYST 2960 24-PORT	SFCQ1532Z17Y
28	0380154103998.00000000044	0380.154121000011.0000	SWITCH CISCO CATALYST 2960 24-PORT	SFOC1501Z59R
29	0380154103998.00000000043	0380.154121000010.0000	SWITCH CISCO CATALYST 2960 24-PORT	SFOC1501Z5DC
30	0380154103998.00000000055	0380.154121000018.0000	SWITCH CISCO CATALYST 2960 24-PORT	SFOC1510X6AJ
31	0380150303004.00000000038	0380.150324000022.0000	UPS 2KVA	SVH20A10/ 1348A164
32	0380150303004.00000000052	0380.150324000037.0000	UPS 2KVA	SVH20A10/ 1718A011
33	0380150303004.00000000062	0380.150324000035.0000	UPS 2KVA	SVH20A10/ 1817A104
34	0380150303004.00000000023	0380.150324000009.0000	UPS LANPRO LP11 5KVA	SL051A22/ 0909A010

